

Bản án số: 224/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23-8-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Luyến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 218/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị N; nơi cư trú: Thôn L, xã N, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

**-Bị đơn:** Ông Nguyễn Đắc T; nơi cư trú: 10369 Berlin L - S - S.64/Etage 7 Li, Cộng hòa Liên bang Đ; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là bà Bùi Thị N trình bày:

Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại T1 tại Frankfurt am M vào ngày 07/10/2013. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế và đời sống gia đình. Tuy cùng nhau chung sống nhưng vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau nói chuyện nhưng không giải quyết được. Do vậy vợ chồng ngày càng trở nên xa cách, tình cảm phai nhạt, không còn quan tâm đến cuộc sống

của nhau nữa. Hiện nay ông T vẫn đang ở Đức còn bà N đã về Việt Nam. Hai bên gia đình và bạn bè đã hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đắc T.

Về con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Bùi Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), ông Nguyễn Đắc T trình bày như sau:*

Ông Nguyễn Đắc T thống nhất với lời trình bày của bà Bùi Thị N về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ, ông Nguyễn Đắc T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Đắc T và bà Bùi Thị N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Bà Bùi Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Đắc T nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. Nguyên đơn là bà Bùi Thị N có nơi cư trú tại Hải Phòng, bị đơn là ông Nguyễn Đắc T hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đ. Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T nhưng cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại T1 tại Frankfurt am M vào ngày 07/10/2013. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn, nhận thấy: Quá trình chung sống, bà Bùi Thị N và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung trong việc phát triển kinh tế và đời sống gia đình. Nay vợ chồng ông bà đã ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Bà N yêu cầu xin ly hôn với ông T, ông T đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn với nhau. Nhận thấy, cả hai ông bà đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị N đối với ông Nguyễn Đắc T.

[4] Về con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T cùng xác nhận ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn ông Nguyễn Đắc T.

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T cùng xác nhận ông bà không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị N và ông Nguyễn Đắc T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000569 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Bùi Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Nguyễn Đắc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Frankfurt am Main;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Phạm Văn Phích**

